

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**Mã số thuế: 6000177738**

***American Auditing***

## **MỤC LỤC**

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
6 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

---

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội Đồng Quản Trị CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **Công ty**

Công ty cổ phần Du lịch Dak Lak ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 4003000058 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh DakLak cấp.

Hoạt động chính của Công ty:

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vũ trường, phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp;
- Mua bán hàng hoá công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hoá mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

#### **Các sự kiện trong kỳ**

Nghị Quyết Hội Đồng Quản Trị số 01/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 04 năm 2011 của Công ty đã thông qua việc thay đổi thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát như sau:

- Chấp nhận đơn từ chức của ông Trần Duy Khương An - Thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- Chấp nhận đơn từ chức của ông Ninh Văn Hiến - Trưởng Ban Kiểm Soát.
- Bổ nhiệm bà Võ Ngọc Xuân (Giám đốc tài chính Tổng công ty du lịch Sài Gòn) là thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- Bổ nhiệm bà Lê Thị Hoàng Mai (Trưởng Ban Kiểm Soát Tổng công ty du lịch Sài Gòn) là Trưởng Ban Kiểm Soát.

#### **Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc của công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:**

##### **Hội Đồng Quản Trị**

Ông Lê Ngọc Cơ	Chủ tịch
Ông Lê Trung Châu	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Danh Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sáu	Thành viên
Bà Võ Ngọc Xuân	Thành viên
Ông Trần Hồng Tâm	Thành viên
Ông Võ Văn Châu	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám Đốc**

Ông Lê Trung Châu	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Danh Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đỗ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Võ Nguyên Nguyên	Phó Tổng Giám Đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

### Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Hoàng Mai	Trưởng Ban
Bà Huỳnh Thị Ngọc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mười	Thành viên

Kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2011	Năm 2010
- Doanh thu thuần	59.511.254.969	53.151.885.397
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	237.161.350	3.434.584.931

### Cam kết của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám Đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Đảm bảo số sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

### Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám Đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám Đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám Đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám Đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

### Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**Ông LÊ NGỌC CƠ**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

ĐakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ trang 4 đến trang 24.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

### ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



**NGUYỄN HỮU TRÍ**

Giám Đốc

Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2012



**PHẠM ĐỨC NGUYỄN**

Kiểm toán viên Việt Nam

Chứng Chỉ KTV số 1186/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>40.400.049.235</b>	<b>33.885.325.339</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.644.283.999</b>	<b>7.082.665.411</b>
1. Tiền	111		1.394.283.999	1.410.665.411
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.250.000.000	5.672.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.2</b>	<b>31.193.070.477</b>	<b>23.931.975.255</b>
1. Phải thu khách hàng	131		640.931.203	700.302.755
2. Trả trước cho người bán	132		30.380.607.065	22.930.086.058
5. Các khoản phải thu khác	135		171.532.209	301.586.442
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>1.537.051.714</b>	<b>906.920.022</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.537.051.714	906.920.022
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.4</b>	<b>3.025.643.045</b>	<b>1.963.764.651</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.576.867.060	1.021.111.209
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		773.689.202	9.275
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		675.086.783	942.644.167
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>134.018.176.351</b>	<b>84.944.033.121</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>132.916.818.655</b>	<b>83.893.544.072</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	31.457.420.383	33.984.832.415
- Nguyên giá	222		52.732.174.933	52.690.029.784
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(21.274.754.550)	(18.705.197.369)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	38.545.487	48.049.375
- Nguyên giá	228		83.279.000	83.279.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(44.733.513)	(35.229.625)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	101.420.852.785	49.860.662.282
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8</b>	<b>515.750.000</b>	<b>533.508.784</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		332.240.000	184.550.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		183.510.000	348.958.784
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>585.607.696</b>	<b>516.980.265</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	585.607.696	516.980.265
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>174.418.225.586</b>	<b>118.829.358.460</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ		SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>80.168.580.641</b>	<b>22.389.549.300</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.207.668.052</b>	<b>2.202.363.980</b>
2. Phải trả cho người bán	312	V.10	1.671.946.999	780.837.157
3. Người mua trả tiền trước	313		61.401.168	29.688.100
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.775.292.961	434.663.464
5. Phải trả người lao động	315		197.701.291	508.728.822
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	501.325.633	448.446.437
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>72.960.912.589</b>	<b>20.187.185.320</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		180.530.000	80.560.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	72.780.382.589	20.106.625.320
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>94.249.644.945</b>	<b>96.439.809.160</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>94.249.644.945</b>	<b>96.439.809.160</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		93.074.150.000	93.074.150.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		211.046.387	146.378.675
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		811.715.327	543.743.564
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		152.733.231	2.675.536.921
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>174.418.225.586</b>	<b>118.829.358.460</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		8.788,28	6.706,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

ĐakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012



**NGUYỄN THỊ SÁU**  
Kế Toán Trưởng



**LÊ TRUNG CHÂU**  
Tổng Giám Đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>59.677.301.823</b>	<b>53.350.867.215</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	166.046.854	198.981.818
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>59.511.254.969</b>	<b>53.151.885.397</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	51.352.361.067	46.524.055.001
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>8.158.893.902</b>	<b>6.627.830.396</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.146.763.064	1.682.939.718
7. Chi phí tài chính	22		-	477.421.212
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	477.421.212
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	905.827.277	1.031.175.119
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.162.668.339	3.367.588.852
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>237.161.350</b>	<b>3.434.584.931</b>
11. Thu nhập khác	31		194.727.584	179.609.557
12. Chi phí khác	32		288.058.805	40.920.676
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(93.331.221)</b>	<b>138.688.881</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>143.830.129</b>	<b>3.573.273.812</b>
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	868.379.738
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>143.830.129</b>	<b>2.704.894.074</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>15</b>	<b>296</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

ĐakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012

**NGUYỄN THỊ SÁU**  
Kế Toán Trưởng



**LÊ TRUNG CHÂU**  
Tổng Giám Đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>143.830.129</b>	<b>3.573.273.812</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.662.609.555	2.657.793.653
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(4.095.363)	(7.533.967)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(219.925.822)	(1.242.855.242)
- Chi phí lãi vay	06		-	477.241.667
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.582.418.499</b>	<b>5.457.919.923</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(8.431.433.616)	(13.828.512.933)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(630.131.692)	(165.053.695)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5.893.663.135	(2.895.672.506)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(68.627.431)	148.779.031
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.419.195.341)	(477.241.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(788.389.063)	(959.453.983)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		332.639.475	142.409.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(275.763.379)	(95.502.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.804.819.413)</b>	<b>(12.672.328.830)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(45.349.428.380)	(28.291.352.565)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		165.448.784	46.800.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.975.405	1.242.855.242
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(45.029.004.191)</b>	<b>(27.001.697.323)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9.268.510.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		72.673.757.269	20.106.625.320
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.000.000.000)	(7.600.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.282.410.440)	(1.166.270.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>50.391.346.829</b>	<b>20.608.864.720</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.442.476.775)</b>	<b>(19.065.161.433)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.082.665.411</b>	<b>26.140.292.877</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.095.363	7.533.967
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>4.644.283.999</b>	<b>7.082.665.411</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

ĐakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012




---

**NGUYỄN THỊ SÁU**  
 Kế Toán Trưởng



---

**LÊ TRUNG CHÂU**  
 Tổng Giám Đốc

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1 Hình thức sở hữu vốn**

- Công ty cổ phần Du lịch Dak Lak ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 4003000058 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh DakLak cấp.
- Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty đã được cấp các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh điều chỉnh sau:
  - + Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 4003000058 thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 4 năm 2006.
  - + Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6000177738 thay đổi lần thứ hai ngày 21 tháng 12 năm 2009.
  - + Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh số 6000177738 thay đổi lần thứ ba ngày 22 tháng 4 năm 2010.
- Vốn điều lệ của Công ty: 93.074.150.000 VND
- Các đơn vị trực thuộc:
  - + Khách sạn Thăng Lợi tại số 1 đường Phan Chu Trinh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.
  - + Khách sạn Cao Nguyên tại số 65 đường Phan Chu Trinh, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.
  - + Khách sạn Thành Công tại số 51 - 53 đường Lý Thường Kiệt, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.
  - + Khu du lịch Hồ Lak tại Buôn Jun, thị trấn Liên Sơn, huyện Lak, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.
  - + Công viên nước tại KM số 4, Quốc lộ 14, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.
- Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

#### **2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động**

- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa;
- Hướng dẫn, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng;
- Kinh doanh vũ trường, phòng hát Karaoke;
- Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp;
- Mua bán hàng hoá công nghệ thực phẩm (rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng hoá mỹ nghệ), cà phê, nông sản, hàng hải sản đông lạnh;
- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, công viên nước.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung có liên quan.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### **3 Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của công ty được soạn lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính được soạn thảo theo nguyên tắc giá gốc.

##### **2 Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Giám Đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám Đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

##### **3 Tiên và tương đương tiền**

###### ***Nguyên tắc ghi nhận các tương đương tiền***

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

###### ***Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán***

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Đối với các tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

Cuối quý, cuối niên độ: Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được ghi nhận vào Doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại các thời điểm:

Ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 20.828 VND/USD

##### **4 Hàng tồn kho**

###### **a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

**b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Nhập trước xuất trước

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên

###### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

##### **5 Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

###### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

**b. Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

**a. TSCĐ hữu hình:*****Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Loại TSCĐ</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Cây lâu năm	5 - 10

**b. TSCĐ vô hình:**

- TSCĐ vô hình là phần mềm kế toán.

- TSCĐ vô hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích ước tính là tám (08) năm.

**7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác*****Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hoá trong khoản thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ: Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**8 Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phí tư vấn giám sát hệ thống quản lý chất lượng, phí thiết kế website, phí thiết kế nhận diện thương hiệu ... được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là từ 24 tháng đến 36 tháng kể từ khi khoản chi phí phát sinh.

**9 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

**10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

**13 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

**(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp):** Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

**(ii) Thuế thu nhập hiện hành:** Là số thuế TNDN phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN trong năm 2011 là 25% (hai mươi lăm phần trăm).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**14 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
- Tiền mặt tại quỹ	25.797.265	209.871.965
- Tiền gửi ngân hàng (*)	1.368.486.734	1.200.793.446
- Các khoản tương đương tiền (**)	3.250.000.000	5.672.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.644.283.999</b>	<b>7.082.665.411</b>

(\*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN DakLak	111.483.249	99.403.275
- Ngân hàng NN & PTNT - CN DakLak	278.832.225	575.077.876
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN DakLak	25.674.193	77.725.601
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN DakLak	214.250.766	115.915.425
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN DakLak	72.977.613	285.104.230
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN DakLak	665.268.688	47.567.039
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.368.486.734</b>	<b>1.200.793.446</b>

(\*\*) Các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn dưới 3 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	672.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN DakLak	3.250.000.000	5.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.250.000.000</b>	<b>5.672.000.000</b>

**2 Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>a. Phải thu khách hàng</b>	<b>640.931.203</b>	<b>700.302.755</b>
Công ty TNHH Bắc Hiếu	64.605.500	-
Du Lịch Hồ Lak	40.653.411	121.722.104
Du Lịch Việt nam - Chi Nhánh Huế	54.529.379	31.397.000
Khách Sạn Cao Nguyên	44.799.100	44.296.100
Sài gòn Tourist tại TP HCM	43.680.864	91.440.498
Thanh Tùng Madrak	47.048.000	34.635.000
Đoàn du lịch Asian Trails	65.914.729	-
Đoàn Du Lịch Vidotour	82.245.976	75.484.500
Các đối tượng khác	197.454.244	301.327.553

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

**Mẫu số B 09-DN***(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

<b>b. Trả trước nhà cung cấp</b>	<b>30.380.607.065</b>	<b>22.930.086.058</b>
Công ty SXTM Lý bảo Minh	1.150.741.000	-
Công ty TNHH Hoàng Nguyên	4.609.919.500	-
Công ty CP Trang Trí Nội Thất Việt Can	1.049.206.500	-
Công ty TNHH TM-ĐT-XD phát triển Sài Gòn	21.101.000.000	21.101.000.000
Công ty TNHH Trung Việt	1.122.524.730	-
Chi nhánh Công ty LD FUJI- ALPHA Đà Nẵng	-	1.452.000.000
Trung tâm Công nghệ QL Chất lượng Công trình Xây Dựng	-	261.849.000
Các đối tượng khác	1.347.215.335	115.237.058
<b>c. Phải thu khác</b>	<b>171.532.209</b>	<b>301.586.442</b>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	100.112.635
Tiền cổ phần bán cho lao động nghèo	99.408.200	123.478.400
Phải thu Sabeco Tây Nguyên - cổ tức phải thu	36.702.000	64.228.500
Phải thu khác	35.422.009	13.766.907
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.193.070.477</b>	<b>23.931.975.255</b>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	-	-
<b>Giá trị thuần phải thu thương mại và phải thu khác</b>	<b>31.193.070.477</b>	<b>23.931.975.255</b>
<b>3 Hàng tồn kho</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
- Nguyên vật liệu	105.445.606	97.619.236
- Công cụ dụng cụ	193.775.034	100.757.497
- Hàng hóa	1.237.831.074	708.543.289
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.537.051.714</b>	<b>906.920.022</b>
<i>Dự phòng giảm giá HTK</i>	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>1.537.051.714</b>	<b>906.920.022</b>
<b>4 Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	1.576.867.060	1.021.111.209
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	773.689.202	9.275
Tạm ứng	526.437.783	685.535.167
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	148.649.000	257.109.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.025.643.045</b>	<b>1.963.764.651</b>
<b>5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục 01)</b>		

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

<i>Chi tiêu</i>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Quyền phát hành</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>TSCĐ vô hình khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số Đầu Năm</b>			<b>32.000.000</b>	<b>51.279.000</b>	<b>83.279.000</b>
- Mua trong năm					-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số Cuối Năm</b>	-	-	<b>32.000.000</b>	<b>51.279.000</b>	<b>83.279.000</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số Đầu Năm</b>			<b>16.000.000</b>	<b>19.229.625</b>	<b>35.229.625</b>
- Khấu hao trong năm			4.000.000	5.503.888	<b>9.503.888</b>
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số Cuối Năm</b>	-	-	<b>20.000.000</b>	<b>24.733.513</b>	<b>44.733.513</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Số Đầu Năm</b>	-	-	<b>16.000.000</b>	<b>32.049.375</b>	<b>48.049.375</b>
<b>Số Cuối Năm</b>	-	-	<b>12.000.000</b>	<b>26.545.487</b>	<b>38.545.487</b>

**7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Công trình khách sạn Sài Gòn Ban Mê (*)	101.393.580.058	49.833.389.555
Công trình Trung tâm hội nghị đa chức năng	27.272.727	27.272.727
<b>Tổng cộng</b>	<b>101.420.852.785</b>	<b>49.860.662.282</b>

(\*) Công trình khách sạn Sài Gòn Ban Mê trước đây là khách sạn Thăng Lợi được xây dựng lại, đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã hoàn thành một số hạng mục. Đến ngày 31/12/2011, tổng chi phí xây dựng dự án này chiếm 67% trên tổng mức đầu tư. Chi tiết các hạng mục như sau:

<b>Tên hạng mục</b>	<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Tại 31/12/2011</b>
Xây lắp	40.526.829.143	44.575.815.129	7.765.903	85.094.878.369
Kiến thiết cơ bản	3.113.535.750	466.787.211	-	3.580.322.961
Lãi vay	1.076.872.085	6.419.195.341	-	7.496.067.426
Giá trị còn lại của TSCĐ khách sạn	5.064.385.689	-	-	5.064.385.689
Các khoản chi phí khác	51.766.888	106.158.725	-	157.925.613
<b>Cộng</b>	<b>49.833.389.555</b>	<b>51.567.956.406</b>	<b>7.765.903</b>	<b>101.393.580.058</b>

**8 Đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	332.240.000	184.500.000
Đầu tư dài hạn khác	183.510.000	348.958.784
	<b>515.750.000</b>	<b>533.458.784</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				<b>332.240.000</b>
Công ty CP Khách sạn Tây Nguyên	Dịch vụ khách sạn, nhà hàng	33.224	19,88%	332.240.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>				<b>183.510.000</b>
Công ty CP TM Sabeco Tây Nguyên	Kinh doanh bia rượu, nước giải khát	18.351	0,46%	183.510.000

**9 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí	Số Đầu Năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số Cuối Năm
CPTT tại Công viên nước	178.673.451	289.569.680	173.614.243	294.628.888
CPTT tại Khu du lịch hồ Lak	102.059.229	237.254.009	121.276.385	218.036.853
CPTT tại KS Cao Nguyên	152.003.300	16.010.818	138.571.619	29.442.499
CPTT tại KS Thành Công	44.524.753	-	40.667.945	3.856.808
CPTT tại Văn phòng công ty	7.194.427	35.190.130	10.783.723	31.600.834
Thuê đất Buôn Jun	3.000.000	6.000.000	6.000.000	3.000.000
Thuê văn phòng	9.000.000	108.000.000	117.000.000	-
CPTT khác	20.525.105	-	15.483.291	5.041.814
<b>Tổng cộng</b>	<b>516.980.265</b>	<b>692.024.637</b>	<b>623.397.206</b>	<b>585.607.696</b>

**10 Phải trả nhà cung cấp**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>a. Phải trả người bán</b>	<b>1.671.946.999</b>	<b>780.837.157</b>
Chi nhánh công ty LD FUJI- ALPHA Đà Nẵng	363.000.000	-
Công ty TNHH MTV TM Minh Dũng	281.809.961	-
Công ty TNHH Sơn Hoà Bình	152.047.174	-
Công ty TNHH TM XNK Hoàng Gia Phát	220.794.100	-
Công ty cổ phần Việt Can	252.748.570	-
CTY TNHH XD nền móng Tam Đạt	-	275.928.289
DNTN Đức Minh	36.713.000	156.328.000
Các đối tượng khác	364.834.194	348.580.868
<b>b. Người mua trả tiền trước</b>	<b>61.401.168</b>	<b>29.688.100</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.733.348.167</b>	<b>810.525.257</b>

**11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT phải nộp	27.807.802	333.134.403
Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.384.618	13.191.611
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	84.308.916
Thuế thu nhập cá nhân	473.437	2.078.890
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	4.734.831.500	
Các loại thuế khác	1.795.604	1.949.644
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.775.292.961</b>	<b>434.663.464</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Kinh phí công đoàn	146.490.258	128.754.825
Bảo hiểm xã hội	5.262.112	71.243.304
Bảo hiểm y tế	63.364.636	41.237.085
Bảo hiểm thất nghiệp	8.239.273	6.538.161
Phải trả cổ phần hóa	99.408.200	123.478.400
Các khoản phải trả phải nộp khác	178.561.154	77.194.662
<b>Tổng cộng</b>	<b>501.325.633</b>	<b>448.446.437</b>

**13 Vay dài hạn**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dak Lak (*)	72.780.382.589	20.106.625.320
<b>Tổng cộng</b>	<b>72.780.382.589</b>	<b>20.106.625.320</b>

(\*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dak Lak theo Hợp đồng tính dụng theo dự án đầu tư phát triển số 68/09/NH/SGBM/NHNT ngày 12/10/2009 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 01/07/2010 với hạn mức vay là 90.000.000.000 VND.

- Lãi suất cho vay: 10,5 %/năm tại thời điểm kỳ kết hợp đồng và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm 2011, lãi suất cho vay là từ 15%/năm đến 18%/năm.

- Tài sản đảm bảo:

+ Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có với tổng giá trị theo dự toán là 163.822 triệu đồng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.1 ngày 12/10/2009.

+ Thế chấp bổ sung toàn bộ tài sản của công viên nước tại phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột với tổng giá trị là 16.932 triệu đồng. Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số 68/09/NH/SGBM/HĐTC.2 ngày 12/10/2009.

**14 Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục 02)****b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31/12/2011**

	<b>Giá trị - VND</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Vốn góp của Nhà nước	26.862.520.000	28,86%
Vốn góp của người lao động trong công ty	4.455.120.000	4,79%
Vốn góp của các đối tượng ngoài công ty (*)	61.756.510.000	66,35%
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.074.150.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Chi tiết góp vốn của các đối tượng ngoài công ty tại ngày 31/12/2011:

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
- Tổng công ty Bến Thành	7.408.560.000	7.408.560.000
- Tổng công ty du lịch Sài Gòn	47.294.010.000	47.294.010.000
- Các cổ đông khác	7.053.940.000	7.053.940.000
	<b>61.756.510.000</b>	<b>61.756.510.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

**Mẫu số B 09-DN***(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***c. Cổ phiếu**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>9.307.415</b>	<b>9.307.415</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>9.307.415</b>	<b>9.307.415</b>
- Cổ phiếu phổ thông	9.307.415	9.307.415
<b>Số lượng cổ phiếu đã mua lại</b>	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>9.307.415</b>	<b>9.307.415</b>
- Cổ phiếu phổ thông	9.307.415	9.307.415

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ

**d. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>SỐ CUỐI NĂM</b>	<b>SỐ ĐẦU NĂM</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	143.830.129	2.704.894.074
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.307.415	9.129.642
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15	296

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Doanh thu bán hàng hóa	17.361.232.692	15.149.734.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ (*)	42.132.841.137	38.201.132.830
Doanh thu bán hàng nội bộ	183.227.994	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>59.677.301.823</b>	<b>53.350.867.215</b>

*(\*) Chi tiết các khoản doanh thu cung cấp dịch vụ:*

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
- Tham quan hướng dẫn du lịch	6.431.001.371	4.943.031.603
- Vận chuyển du lịch	1.344.311.000	1.020.626.353
- Phòng ngủ	5.766.590.593	5.299.370.622
- Hàng ăn, giải khát	26.881.723.550	25.198.653.639
- Phí dịch vụ	295.621.096	33.568.596
- Xông hơi, xoa bóp	719.536.365	862.254.547
- Mặt bằng	246.540.913	280.700.010
- Vận chuyển hàng hoá	56.283.185	85.716.179
- Dịch vụ khác	391.233.064	477.211.281
	<b>42.132.841.137</b>	<b>38.201.132.830</b>

**2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	166.046.854	198.981.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.046.854</b>	<b>198.981.818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

**Mẫu số B 09-DN***(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***3 Giá vốn hàng bán**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.596.751.463	13.370.312.846
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	35.755.609.604	33.153.742.155
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.352.361.067</b>	<b>46.524.055.001</b>

*(\*) Chi tiết giá vốn dịch vụ đã cung cấp:*

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
- Tham quan hướng dẫn du lịch	6.183.130.215	4.557.020.169
- Vận chuyển du lịch	1.143.187.004	861.011.383
- Phòng ngủ	4.794.586.309	4.541.519.503
- Hàng ăn, giải khát	22.983.820.307	22.300.270.013
- Xông hơi, xoa bóp	457.618.714	486.181.657
- Mặt bằng	88.740.000	86.700.000
- Vận chuyển hàng hoá	39.427.000	72.922.658
- Dịch vụ khác	65.100.055	248.116.772
	<b>35.755.609.604</b>	<b>33.153.742.155</b>

**4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	722.678.688	1.096.458.642
Hỗ trợ lãi suất đầu tư	271.680.028	340.047.790
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.975.405	207.925.100
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	9.012.064	7.713.512
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	4.095.363	2.986.974
Lãi bán cổ phần	827.551.216	2.700.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	156.770.300	25.107.700
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.146.763.064</b>	<b>1.682.939.718</b>

**5 Chi phí bán hàng**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Chi phí nhân viên	754.273.166	889.733.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	40.874.182	40.874.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.679.929	100.567.762
<b>Tổng cộng</b>	<b>905.827.277</b>	<b>1.031.175.119</b>

**6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Chi phí nhân viên	1.625.904.465	1.178.996.313
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.454.546	11.196.515
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.824.854	80.135.458
Thuế, phí và lệ phí	5.589.744.355	823.800.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.744.281	519.335.737
Chi phí bằng tiền khác	1.202.995.838	754.124.281
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.162.668.339</b>	<b>3.367.588.852</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

**Mẫu số B 09-DN***(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)**Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***7 Thu nhập khác**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	157.727.272
Thu tiền tài trợ	168.477.454	-
Thu nhập khác	26.250.130	21.882.285
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.727.584</b>	<b>179.609.557</b>

**8 Chi phí khác**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	82.739.583	-
Chi phí khác	205.319.222	40.920.676
<b>Tổng cộng</b>	<b>288.058.805</b>	<b>40.920.676</b>

**9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>143.830.129</b>	<b>3.573.273.812</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:</i>		
- Các khoản điều chỉnh tăng:	153.641.552	115.704.205
+ Chi phí tài trợ không có chứng từ theo quy định	78.530.229	-
+ Phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý HĐSXKD	75.111.323	-
- Các khoản điều chỉnh giảm:	(306.760.768)	(215.459.067)
+ Thu nhập không chịu thuế TNDN	(302.665.405)	(207.925.100)
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(4.095.363)	(7.533.967)
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>3.473.518.950</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>868.379.738</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>868.379.738</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

- Không phát sinh

**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH BDO Việt Nam.



*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***2 Thông tin về các bên liên quan****a. Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu có các bên liên quan như sau:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị VND</b>
Tổng công ty du lịch Sài Gòn	Nhận góp vốn	-
	Bán hàng	416.603.550
	Mua hàng	112.852.250
	Vay tài trợ dự án	20.000.000.000
	Thanh toán tiền mua hàng	112.852.250
	Thanh toán tiền bán hàng	464.363.184
	Thanh toán tiền vay tài trợ dự án	20.000.000.000

**b. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư các khoản phải thu / (phải trả) với các bên có liên quan như sau:**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Phải thu / (Phải trả) VND</b>
Tổng công ty du lịch Sài Gòn	Bán hàng	-
	Mua hàng	43.680.864
	Góp vốn	47.294.010.000

**c. Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:**

	<b>NĂM NAY</b>	<b>NĂM TRƯỚC</b>
Lương, thưởng Ban Tổng Giám đốc	515.956.895	458.269.206
Thù lao các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát	201.788.182	178.407.645
	<b>717.745.077</b>	<b>636.676.851</b>

**3 Thông tin về các cam kết**

Đơn vị tiền tệ: VND

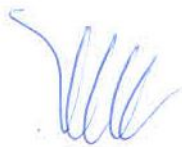
**Cam kết liên quan đến xây dựng liên quan đến công trình Khách sạn Sài Gòn Ban Mê:**

	<b>Giá trị theo hợp đồng</b>	<b>Giá trị đã ghi nhận</b>	<b>Giá trị cam kết còn lại</b>
- Công ty tư vấn xây dựng Dak Lak	2.448.058.000	2.181.166.400	266.891.600
- Công ty TNHH Thương mại ĐTXD phát triển Sài Gòn	108.323.292.389	67.995.427.011	40.327.865.378
- Trung tâm công nghệ, quản lý chất lượng công trình xây dựng	476.090.000	357.067.000	119.023.000
- Công ty LD Fuji Alpha	3.630.000.000	3.267.000.000	363.000.000
- Cty TNHH Hoàng Nguyễn	9.219.839.000	1.740.391.800	7.479.447.200
<b>Cộng</b>	<b>124.097.279.389</b>	<b>70.533.660.411</b>	<b>40.713.779.978</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***4 Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chi tiêu	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>1</b>		
<b>1.1</b>		
<b>Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
<b>Bố trí cơ cấu tài sản ( % )</b>		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	76,84%	71,48%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	23,16%	28,52%
<b>1.2</b>		
<b>Bố trí cơ cấu nguồn vốn ( % )</b>		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	45,96%	18,84%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	54,04%	81,16%
<b>2</b>		
<b>Khả năng thanh toán</b>		
<b>2.1</b>		
<b>Khả năng thanh toán hiện hành ( lần )</b>	5,61	15,39
<b>2.2</b>		
<b>Khả năng thanh toán nhanh ( lần )</b>	5,39	14,97
<b>3</b>		
<b>Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1</b>		
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần ( % )</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	0,24%	6,72%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	0,24%	5,09%
<b>3.2</b>		
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ( % )</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	0,08%	3,01%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	0,08%	2,28%
<b>3.3</b>		
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</b>	0,15%	2,80%

ĐakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012




---

**NGUYỄN THỊ SÁU**  
 Kế Toán Trưởng



---

**LÊ TRUNG CHÂU**  
 Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

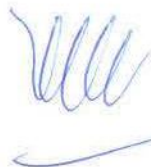
Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

**Mẫu số B 09-DN**(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>42.530.290.948</b>	<b>7.760.768.211</b>	<b>1.291.488.725</b>	-	<b>1.107.481.900</b>	<b>52.690.029.784</b>
- Mua trong năm	-	208.433.218	-	-	-	<b>208.433.218</b>
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	166.288.069	-	-	-	<b>166.288.069</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>42.530.290.948</b>	<b>7.802.913.360</b>	<b>1.291.488.725</b>	-	<b>1.107.481.900</b>	<b>52.732.174.933</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.127.609.155</b>	<b>4.205.678.650</b>	<b>796.595.269</b>	-	<b>575.314.295</b>	<b>18.705.197.369</b>
- Khấu hao trong năm	1.771.020.035	621.899.776	128.815.944	-	131.369.912	<b>2.653.105.667</b>
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	83.548.486	-	-	-	<b>83.548.486</b>
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.898.629.190</b>	<b>4.744.029.940</b>	<b>925.411.213</b>	-	<b>706.684.207</b>	<b>21.274.754.550</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>	-	-	-	-	-	-
- Số đầu năm	<b>29.402.681.793</b>	<b>3.555.089.561</b>	<b>494.893.456</b>	-	<b>532.167.605</b>	<b>33.984.832.415</b>
- Số cuối năm	<b>27.631.661.758</b>	<b>3.058.883.420</b>	<b>366.077.512</b>	-	<b>400.797.693</b>	<b>31.457.420.383</b>


**NGUYỄN THỊ SÁU**  
 Kế Toán Trưởng

**LÊ TRUNG CHÂU**  
 Tổng Giám Đốc

DakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐAK LAK**

Số 3 Phan Chu Trinh, P. Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak.

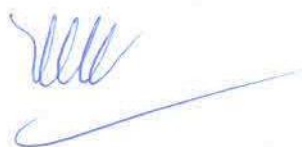
**Mẫu số B 09-DN**(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

**PHỤ LỤC 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU****Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>83.805.640.000</b>	-	-	<b>85.317.000</b>	<b>406.143.423</b>	<b>1.425.286.863</b>	<b>85.722.387.286</b>
Tăng vốn trong năm trước	9.268.510.000	-	-	-	-	-	9.268.510.000
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	2.704.894.074	2.704.894.074
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	61.061.675	137.600.141	(198.661.816)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(1.165.480.200)	(1.165.480.200)
Nộp thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(90.502.000)	(90.502.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>93.074.150.000</b>	-	-	<b>146.378.675</b>	<b>543.743.564</b>	<b>2.675.536.921</b>	<b>96.439.809.160</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>93.074.150.000</b>	-	-	<b>146.378.675</b>	<b>543.743.564</b>	<b>2.675.536.921</b>	<b>96.439.809.160</b>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	143.830.129	143.830.129
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	64.667.712	267.971.763	(332.639.475)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(2.282.410.440)	(2.282.410.440)
Nộp thuế TNDN	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(51.583.904)	(51.583.904)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>93.074.150.000</b>	-	-	<b>211.046.387</b>	<b>811.715.327</b>	<b>152.733.231</b>	<b>94.249.644.945</b>

DakLak, ngày 19 tháng 03 năm 2012


**NGUYỄN THỊ SÁU**  
 Kế Toán Trưởng

  
**LÊ TRUNG CHÂU**  
 Tổng Giám Đốc